TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 236/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 29 – 5 – 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Trung;
2. Ông Mai Minh Chánh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Thái Dương Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 593/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh PPC, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: Số 340, tổ 11, ấp Thạnh An, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị HTS, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Số 340, tổ 11, ấp Thạnh An, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2018, nguyên đơn anh C trình bày như sau: Năm 2013, anh C và Chị S kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VTT. Trong thời gian chung sống, Chị S tham gia cờ bạc gây nợ nhiều lần, anh C đã tha thứ nhiều lần nhưng Chị S vẫn không bỏ cờ bạc. Nay anh C xin Tòa án giải quyết cho anh C được ly hôn với Chị S. Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên: Phan Phú Trọng, sinh ngày 07/01/2013 và Phan Thị Thúy Quyên, sinh ngày 06/5/2015, hai con đang do Chị S nuôi dưỡng, anh C đồng ý để Chị S tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng Chị S không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của anh C.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn; đồng ý giao hai con chung cho Chị S tiếp tục nuôi dưỡng. Về quan hệ tài sản chung, quan hệ nợ chung: Không có.

- Bị đơn Chị S: Vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Anh C và Chị S chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Chị S không đến Tòa án trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, vợ chồng ly thân đã lâu, Chị S không quan tâm cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C.

+ Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Phan Phú Trọng, sinh ngày 07/01/2013 và Phan Thị Thúy Quyên, sinh ngày 06/5/2015. Tại phiên tòa, anh C đồng ý giao hai con chung cho Chị S tiếp tục nuôi nên đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho Chị S trực tiếp nuôi. Do Chị S vắng mặt và không có ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đồng thời xem xét giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị S vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Thạnh An, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CP

thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn Chị S đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Anh C và Chị S chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, anh C trình bày vợ chồng có mâu thuẫn do Chị S tham gia cờ bạc và gây nợ. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Chị S được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh C và Chị S nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc Chị S tham gia cờ bạc nhiều lần gây nợ, anh C đã trả nợ và tha thứ cho Chị S nhiều lần nhưng Chị S vẫn không từ bỏ cờ bạc, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại anh C và Chị S đã sống ly thân. Kể từ khi anh C làm đơn xin ly hôn, Chị S không quan tâm cuộc sống vợ chồng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên hòa giải nhưng vẫn vắng mặt. Tại biên bản xác minh, ban ấp Thạnh An cung cấp thông tin không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng, chỉ biết hiện nay Chị S đã bỏ nhà đi, không có mặt tại địa phương. Tại phiên tòa, anh C trình bày hiện tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, vì Chị S không thay đổi, sửa chữa lỗi lầm, không bỏ cờ bạc. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh C và Chị S mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C.

+ Về quan hệ con chung: Anh C trình bày vợ chồng có hai con chung là Phan Phú Trọng, sinh ngày 07/01/2013 và Phan Thị Thúy Quyên, sinh ngày 06/5/2015, Chị S đang trực tiếp nuôi hai con chung. Tại phiên tòa, anh C đồng ý giao hai con chung cho Chị S. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử giao con chung cho Chị S trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng cho con, Chị S vắng mặt và không có ý kiến về việc cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị S có yêu cầu cấp dưỡng về việc nuôi con chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0010311 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; Điều 56; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Anh PPC được ly hôn với Chị HTS.

- Về quan hệ con chung: Giao hai con chung tên Phan Phú Trọng, sinh ngày 07/01/2013 và Phan Thị Thúy Quyên, sinh ngày 06/5/2015 cho Chị HTS trực tiếp nuôi.

+ Về cấp dưỡng cho con: Chị S không yêu cầu nên không xem xét.

+ Chị S cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn Anh PPC phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0010311 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã VTT;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Anh